TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 - HƯNG YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2026/DS-ST
Ngày 05-02-2026
"V/v *tranh chấp hợp đồng tín dụng*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - HƯNG YÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

-*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Minh Đức- Thẩm phán Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hưng Yên.

-*Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Trương Văn Luân; Bà Phạm Thị Huệ.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Phạm Thị Thu - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hưng Yên

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Hưng Yên tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Toan - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 50/2025/TLST-DS ngày 15 tháng 8 năm 2025 về tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2025/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2025/QĐHPT-ST ngày 23 tháng 12 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2026/QĐHPT-ST ngày 22 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

-***Nguyên đơn***:

1-Công ty Cổ phần M1.

Địa chỉ: Tầng A, tòa nhà C, số B phố T, phường Y, TP Hà Nội.

-***Người đại diện theo pháp luật***: Ông Hoàng Anh T- Tổng Giám Đốc.

-***Người đại diện theo ủy quyền***: Ông Phan Huy M – Giám đốc trung tâm xử lý nợ.

2-Ngân hàng TMCP V.

Địa chỉ: Số H L, phường Đ, TP Hà Nội

-***Người đại diện theo pháp luật***: Ông Ngô Chí D- Chủ tịch HĐQT.

-***Người đại diện theo ủy quyền***: Ông Nguyễn Hồng B-Trưởng phòng Xử lý.

Người được ủy quyền lại của đồng nguyên đơn: ông Phạm Huy K –Chuyên viên xử lý nợ Công ty Cổ phần M1.

Địa chỉ: B, H, Phường T, tỉnh Hưng Yên

-***Bị đơn:*** Anh Bùi Đình N, sinh năm 1979; Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1985;

Đều ở địa chỉ: Thôn T, xã N, tỉnh Hưng Yên.

-***Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan***: Ông Bùi Quang C, sinh năm 1948.

Địa chỉ: Thôn T, xã N, tỉnh Hưng Yên.

(*Tại phiên tòa có mặt ông K; Vắng mặt anh N chị H và ông C không có lý do*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Trong đơn khởi kiện được bổ sung bằng biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa- người đại diện theo ủy quyền nguyên đơn trình bày*:** Anh Bùi Đình N và chị Nguyễn Thị H là vợ chồng, anh N chị H đã ký hợp đồng vay vốn của Ngân hàng Thương mại cổ phần V (V1) như sau:

+Hợp đồng số 01: Ngày 22/8/2023 anh N, chị H đã ký hợp đồng tín dụng số LN 2308159996628 vay vốn và khế ước nhận nợ kèm theo vay số tiền 670.000.000đồng, thời hạn vay 12 tháng, mục đích vay kinh doanh quần áo, lãi xuất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân 9,99%/1năm được tính trong 03 tháng, hết thời hạn cố định được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/1 lần và bằng lãi xuất cơ sở cộng biên độ 3,5%/1 năm. Lãi xuất quá hạn đối với khoản nợ gốc bằng 150% mức lãi xuất cho vay. Lãi xuất chậm trả áp dụng với tiền lãi chậm trả bằng 150% lãi xuất cho vay trong hạn nhưng không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả.

+Hợp đồng số 02: Ngày 25/8/2023 anh N, chị H đã ký giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm; giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, giấy đề nghị kiêm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng Đ số tiền 30.000.000đồng mục đích vay về phục vụ đời sống. Đối với khoản vay thẻ tín dụng chỉ tính lãi quá hạn, không tính lãi chậm trả

+Tài sản bảo đảm hai khoản vay là: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 62; tờ bản đồ số 17, địa chỉ thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh , tỉnh Thái Bình. Nay là thôn T, xã N, tỉnh Hưng Yên.

Quá trình thực hiện hợp đồng anh N chị H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của các khoản nợ đối với V1 kể từ ngày 15/4/2024, tính đến ngày 05/02/2026 anh N chị H đã trả khoản lãi 32.998.543 đồng đối với Hợp đồng số 01, chưa thanh toán khoản nợ gốc. Đối với Hợp đồng số 02 đã trả 12.964.962 đồng tiền nợ gốc, còn nợ 17.035.038 đồng nợ gốc và 12.101.617 đồng lãi quá hạn. Mặc dù V1 đã đôn đốc nhưng anh N chị H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho V1 và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Sau khi V1 khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, nay là Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hưng Yên, ngày 26/9/2025 V1 đã ký hợp đồng chuyển quyền bán 95% của nợ gốc, nợ lãi trong hạn, lãi quá hạn, tiền phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại và các nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) cho Công ty Cổ phần M1. Theo đó 5% nợ gốc, nợ lãi trong hạn, lãi quá hạn, tiền phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại và các nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) và toàn bộ nợ lãi còn lại phát sinh theo các văn kiện tín dụng vẫn thuộc sở hữu của V1.

Ngày 15/10/2025 Công ty cổ phần M1 có Công văn số 16310/2025/CV-XLN-JUPITR gửi Toà án nhân dân khu vực 8 - Hưng Yên kèm theo là Hợp đồng mua bán nợ số 37/2025/PB-JUPITER, phụ lục Hợp đồng ngày 26/9/2025 và giấy uỷ quyền đề nghị Toà án công nhận và thực hiện thủ tục chuyển giao, thừa kế một phần các quyền và nghĩa vụ của V1 sang cho Công ty Cổ phần M1 theo quy định của Bộ Luật dân sự. Ngày 30/10/2025 Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hưng Yên đã ra thông báo đưa người vào tham gia tố tụng, theo đó Công ty cổ phần M1 là đồng nguyên đơn, ông Phạm Huy K là người đại diện theo ủy quyền của đồng nguyên đơn

Tại phiên tòa người đại diện theo uỷ quyền của đồng nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không chấp nhận yêu cầu của bị đơn đề nghị theo hình thức trả nợ dần. Đề nghị Tòa án giải quyết buộc bị đơn phải có nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn số nợ gốc và nợ lãi, lãi chậm trả tính ngày xét xử sơ thẩm 05/02/2026 tổng là 801.719.281 đồng trong đó nợ gốc là 687.035.038 đồng, nợ lãi là 61.293.986 đồng, lãi quá hạn là 47.427.655đồng; lãi chậm trả 5.926.602 đồng (*trả cho Công ty cổ phần M1 763.090.149 đồng gồm: nợ gốc 653.535.038 đồng, nợ lãi 58.229.287 đồng, lãi quá hạn 45.661.353 đồng; lãi chậm trả 5.664.472 đồng; Trả cho V1 38.629.132 đồng, gồm nợ gốc 33.500.000 đồng, nợ lãi 3.064.699 đồng, nợ lãi quá hạn 1.766.302 đồng; lãi chậm trả 298.130 đồng*). Và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 06/02/2026 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ hợp đồng. Đề nghị Tòa án tuyên trong bản án trong trường hợp bị đơn không thực hiện, thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để trừ vào nghĩa vụ trả nợ.

Đối với bị đơn là anh Bùi Đình N và chị Nguyễn Thị H: Trong quá trình Tố tụng anh N chị H xác nhận khoản vay và tài sản thế chấp bảo đảm khoản vay như nguyên đơn đã trình bày, do trong quá trình sau khi vay vốn làm ăn bị thua lỗ dẫn đến không có khả năng thanh toán theo quy định cho nguyên đơn lên đã dẫn đến vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Anh N chị H nhận trách nhiệm trả nợ khoản nợ nguyên đơn đã kê khai nhưng theo hình thức trả nợ dần.

Đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Bùi Quang C vắng mặt trong quá trình Tố tụng, vì vậy Tòa án không lấy được lời khai của ông C, không tiến hành hòa giải được giữa các bên.

Tại phiên tòa lần 1 vắng mặt ông C không có lý do. Tại phiên tòa lần 2 vắng anh N, chị H và ông C không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm tại phiên tòa:

- *Về tố tụng:* Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chấp hành tương đối đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

-*Về nội dung:* Căn cứ vào các Điều 463; 466; 468, 470 Bộ luật Dân sự; khoản 3 Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; Điều 228; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc anh N chị H phải thực hiện toàn bộ nghĩa vụ trả nợ số tiền nợ gốc, nợ lãi, lãi quá hạn theo Hợp đồng tín dụng mà anh N chị H đã ký kết tính đến ngày xét xử sơ thẩm.

Đề nghị tiếp tục cho tính lãi theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng nêu trên kể từ ngày 06/02/2026 cho đến ngày anh N chị H thực tế thanh toán hết nợ cho Ngân hàng.

Trường hợp anh N, chị H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ, thì Công ty cổ phần M1 và Ngân hàng V1 có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật. Nguyen đơn tự nguyện chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ nên cần chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả thẩm vấn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Bị đơn có nơi cư trú tại thôn T, xã N, tỉnh Hưng Yên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8-Hưng Yên theo quy định tại Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Áp dụng pháp luật giải quyết*: Hợp đồng cấp tín dụng giữa Ngân hàng V1 và anh N chị H được ký kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, mục đích và nội dung của Hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều 117 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, có giá trị pháp lý làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Ngày 26/9/2025 V1 đã bán 95% khoản nợ của hợp đồng tín dụng cho Công ty cổ phần M1 theo Hợp đồng mua bán nợ và Hợp đồng chuyển nhượng giữa hai bên đã ký kết là phù hợp quy định của pháp luật. Vì vậy căn cứ vào các quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết.

[3] *Về nội dung:*

[3.1].*Về yêu cầu trả nợ gốc*: Căn cứ vào lời khai nguyên đơn và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do nguyên đơn cung cấp thể hiện anh N chị H đã ký Hợp đồng tín dụng với ngân hàng V1 cụ thể như sau:

+Hợp đồng số 01: Ngày 22/8/2023 anh N chị H đã ký Hợp đồng tín dụng số LN 2308159996628 vay vốn và khế ước nhận nợ kèm theo vay số tiền 670.000.000đồng, thời hạn vay 12 tháng, mục đích vay kinh doanh quần áo, lãi xuất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân 9,99%/năm được tính trong 03 tháng, hết thời hạn cố định được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/1 lần và bằng lãi xuất cơ sở cộng biên độ 3,5%/1 năm. Lãi xuất quá hạn đối với khoản nợ gốc bằng 150% mức lãi xuất cho vay. Lãi xuất chậm trả áp dụng với tiền lãi chậm trả bằng 150% lãi xuất cho vay trong hạn nhưng không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả.

+Hợp đồng số 02: Ngày 25/8/2023 anh N chị H đã ký giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm; giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, giấy đề nghị kiêm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng Đ số tiền 30.000.000đồng, mục đích vay về phục vụ đời sống. Lãi xuất chỉ tính lãi quá hạn, không tính lãi chậm trả

[3.2].Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng anh N chị H thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc 12.964.926 đồng của khoản vay tín dụng thẻ; trả 32.998.543 đồng tiền lãi của khoản vay 670.000.000đồng. Thời điểm ngày 15/4/2025 anh N chị H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng V1, vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng đã ký giữa hai bên. Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc nhưng anh N chị H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Như vậy, anh N chị H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đã thỏa thuận ký kết trước đó với Ngân hàng V1. Xét thấy yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V1 ra Tòa án nhân dân khu vực 8-Hưng Yên yêu cầu anh N chị H phải trả số tiền gốc còn nợ

là 687.035.038 đồng là có căn cứ, cần chấp nhận là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3.3].*Về yêu cầu trả nợ lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi chậm trả*: Theo các Hợp đồng tín dụng trên, ngày 15/4/2025 anh N chị H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với các khoản vay. Vì vậy kể từ ngày 15/4/2025 khoản vay của anh N chị H với Ngân hàng đã tính lãi xuất quá hạn và lãi xuất chậm trả kể từ thời điểm vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận hai bên đã ký. Nay phía Ngân hàng yêu cầu anh N chị H phải trả tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi chậm trả của khoản nợ gốc còn nợ của từng hợp đồng nêu trên là có căn cứ, cần chấp nhận là phù hợp với quy định của pháp luật. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm 05/02/2026 gồm nợ lãi trong hạn là 61.293.986 đồng, lãi quá hạn là 47.427.655đồng; lãi chậm trả 5.926.602 đồng. Anh N chị H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cấp tín dụng, nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật kể từ ngày 06/02/2026 cho đến khi trả hết số tiền còn nợ là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3.4].Về tài sản bảo đảm cho khoản vay: Để bảo đảm cho các khoản vay, ngày 22/8/2023 ông Bùi Công C1 - là bố đẻ anh N đã ký Hợp đồng thế chấp số 3794, thế chấp tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất ở và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 62; tờ bản đồ số 17, địa chỉ thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh , tỉnh Thái Bình. Nay là thôn T, xã N, tỉnh Hưng Yên mang tên Bùi Công C1. Tại nội dung hợp đồng thế chấp đều quy định rõ tài sản thế chấp bảo đảm cho việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ trả nợ của các hợp đồng tín dụng. Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản bảo đảm thể hiện các hộ liền kề không có tranh chấp về ranh giới với thửa đất, tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất vẫn giữ nguyên hiện trạng.

Xét thấy hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 3794 ngày 22/8/2023 được ký kết đúng thủ tục và được đăng ký giao dịch bảo đảm nên phát sinh hiệu lực. Nguyên đơn yêu cầu trường hợp anh N chị H không có khả năng trả nợ thì nguyên đơn yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để trừ vào nghĩa vụ trả nợ. Xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, cần chấp nhận là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] *Về hợp đồng mua bán nợ giữa V1 và Công ty cổ phần M1*: Ngày 23/10/2025 Tòa án nhân dân khu vực 8-Hưng Yên nhận Công văn số 16310/2025/CV-XLN-JUPITER ngày 15/10/2025 của Công ty cổ phần M1 và hợp đồng mua bán nợ số 37/2025 + phụ lục hợp đồng và hợp đồng chuyển nhượng số 38/2025 ngày 26/9/2025. Nội dung thể hiện V1 bán cho Công ty cổ phần M1 95% khoản nợ của anh N chị H (*gồm nợ gốc, nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn*). Xét thấy về hình thức và nội dung của hợp đồng mua bán nợ là phù hợp quy định của pháp luật, vì vậy Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hưng Yên đã ra thông báo đưa Công ty cổ phần M1 vào tham gia tố tụng với tư cách là đồng nguyên đơn. Vì vậy cần buộc anh N chị H có nghĩa vụ trả khoản nợ nêu trên cho đồng nguyên đơn là V1 và Công ty cổ phần M1 theo quy định.

[5] *Về án phí:* Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Trả lại cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp. Anh N chị H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Về lệ phí tố tụng: Nguyên đơn nhận chịu tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, nguyên đơn đã nộp đủ tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ

[6] *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 117, Điều 119, Điều 323, Điều 365, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ngân hàng V (V1) và Công ty cổ phần M1 .

2. Buộc anh Bùi Đình N và chị Nguyễn Thị H phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V (V1) và Công ty cổ phần M1 tổng số tiền là: tổng là 801.719.281 đồng trong đó nợ gốc là 687.035.038 đồng, nợ lãi là 61.293.986 đồng, lãi quá hạn là 47.427.655đồng; lãi chậm trả 5.926.602 đồng (tính đến ngày 05/02/2026)

Kỷ phần như sau: trả cho Công ty cổ phần M1 763.090.149 đồng gồm: nợ gốc 653.535.038 đồng, nợ lãi 58.229.287 đồng, lãi quá hạn 45.661.353 đồng; lãi chậm trả 5.664.472 đồng; Trả cho V1 38.629.132 đồng, gồm nợ gốc 33.500.000 đồng, nợ lãi 3.064.699 đồng, nợ lãi quá hạn 1.766.302 đồng; lãi chậm trả 298.130 đồng

Kể từ ngày 06/02/2026 anh N chị H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cấp tín dụng, nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

Trường hợp trong Hợp đồng cấp tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng V1 thì lãi suất mà anh N chị H phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng V1 và Công ty cổ phần M1 theo bản án của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng V1.

3. Trường hợp anh N chị H không trả nợ hoặc trả nợ không đủ số nợ nêu trên, ngân hàng V1 và Công ty cổ phần M1 có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất ở và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 62; tờ bản đồ số 17, địa chỉ thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh , tỉnh Thái Bình. Nay là thôn T, xã N, tỉnh Hưng Yên mang tên Bùi Công C1. Số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp không đủ thanh toán hết khoản nợ thì anh N chị H tiếp tục phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ.

4. Về án phí : Anh N chị H phải chịu 36.051.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Trả lại Ngân hàng V1 số tiền 16.000.000 đồng đã nộp tạm ứng tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 8, tỉnh Hưng Yên theo biên lai thu số 0005818 ngày 15/8/2025.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng

mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- *VKSND tỉnh Hưng Yên;*
- *TAND tỉnh Hưng Yên;*
- *VKSND khu vực 8, tỉnh Hưng Yên;*
- *Phòng THADS khu vực 8, tỉnh Hưng Yên;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

NGUYỄN MINH ĐỨC